

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÂN, ĐO LẦN 3

Ngày 20 tháng 03 năm 2025

Stt	Tên lớp	Sĩ số lớp	Số trẻ được cân đo	Số Trẻ PTBT	số trẻ nhẹ cân	số trẻ thấp còi	số trẻ TC, BP	GHI CHÚ
1	2 Tuổi A1	19	19	19	0	0	0	
2	2 Tuổi B	20	20	20	0	0	0	
3	2 Tuổi C	20	20	20	0	0	0	
4	2 Tuổi D	18	18	18	0	0	0	
5	3 tuổi A	24	24	24	0	0	0	
6	3 tuổi B	25	25	25	0	0	0	
7	3 tuổi C	25	25	24	0	1	0	
8	3 tuổi D	23	23	23	0	0	0	
9	4 tuổi A	29	29	27	1	1	0	
10	4 tuổi B	28	28	26	1	1	0	
11	4 tuổi C	31	31	31	0	0	0	
12	4 tuổi D	23	23	23	0	0	0	
13	5 tuổi A	32	32	31	0	1	0	
14	5 tuổi B	31	31	30	0	1	0	
15	5 tuổi C	31	31	30	0	0	1	
16	5 tuổi D	26	26	26	0	0	0	
Tổng số trẻ:		405	405	397	2	5	1	
Tỷ Lệ:		100%		98.0%	0.5%	1.2%	0.3%	

NGƯỜI DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Lương

NGƯỜI TỔNG HỢP
Y TẾ


Lê Thị Thúy Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 2TA1, Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Bùi Bình An	16/03/2023	82.0	BT	10.0	BT
2	Phạm Khánh An	20/02/2023	81.0	BT	9.2	BT
3	Bùi Mai Anh	16/03/2023	81.0	BT	10.0	BT
4	Nguyễn Nhật Anh	15/07/2023	85.0	BT	12.5	BT
5	Phạm Lê Thanh Vân	26/02/2023	80.0	BT	10.7	BT
6	Nguyễn Thanh Yên	02/09/2023	82.0	BT	11.0	BT
7	Nguyễn Xuân Lộc	27/01/2023	83.0	BT	11.0	BT
8	Nguyễn Gia Huy	13/01/2023	90.0	BT	13.0	BT
9	Đoàn Trọng Nhân	15/01/2023	85.0	BT	12.0	BT
10	Phạm Minh Anh	14/04/2023	83.0	BT	11.0	BT
11	Bùi Thiên Hương	10/06/2023	84.0	BT	11.0	BT
12	Phan Thanh Đan	21/03/2023	86.0	BT	13.0	BT
13	Nguyễn Ngọc Minh Anh	11/05/2023	82.0	BT	10.6	BT
14	NGUYỄN THIỆN MINH	10/08/2023	81.0	BT	10.2	BT
15	Đỗ Minh Trí	11/03/2023	83.0	BT	11.0	BT
16	Nguyễn Hoàng Sơn	20/10/2023	80.0	BT	10.2	BT
17	Phạm Minh Chính	02/08/2023	81.0	BT	11.0	BT
18	Lê Huyền Diệu Anh	29/07/2023	81.0	BT	11.0	BT
19	Đặng Việt Gia Huy	15/09/2023	83.0	BT	11.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 19/19 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 2TB., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Phan Minh Châu	17/01/2022	93.0	BT	15.0	BT
2	Lê Hải Đăng	10/04/2022	90.0	BT	12.0	BT
3	Nguyễn Trần Phúc Hưng	26/04/2022	89.0	BT	14.0	BT
4	Đặng Khánh My	15/03/2022	89.0	BT	11.0	BT
5	Nguyễn Tiến Phong	13/04/2022	89.0	BT	11.3	BT
6	Nguyễn Anh Tú	13/01/2022	91.0	BT	12.4	BT
7	Nguyễn Hưng Thịnh	14/11/2022	91.0	BT	12.5	BT
8	Nguyễn Thị Ngọc Bích	14/05/2022	88.0	BT	13.0	BT
9	Trương Gia Hân	17/01/2022	92.0	BT	14.5	BT
10	Từ Huy Hoàng	16/08/2022	90.0	BT	14.0	BT
11	Đinh Trung Hiếu	22/07/2022	90.0	BT	12.8	BT
12	Trần Thị Ánh Dương	07/01/2022	92.0	BT	12.5	BT
13	Nguyễn Linh Ngọc	31/01/2022	90.0	BT	12.5	BT
14	Phạm Tiến Đức Cảnh	05/07/2022	91.0	BT	14.5	BT
15	Đặng Thùy Linh	25/05/2022	88.0	BT	12.5	BT
16	Vũ Đức Khang	29/12/2022	85.0	BT	12.0	BT
17	Nguyễn Quỳnh Nga	18/11/2022	85.0	BT	11.4	BT
18	Trần Việt Cường	10/11/2022	84.0	BT	11.0	BT
19	Nguyễn Hà My	16/11/2022	84.0	BT	11.0	BT
20	Nguyễn Minh Khôi	18/04/2023	82.0	BT	10.0	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 20/20 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 2TC., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Nguyễn Ngọc Anh	05/09/2022	84.0	BT	12.0	BT
2	Nguyễn Ngọc Lam Anh	28/07/2022	90.0	BT	13.5	BT
3	Đinh Bảo Khang	02/03/2022	94.0	BT	14.8	BT
4	Nguyễn Hà Linh	25/03/2022	90.0	BT	12.6	BT
5	Nguyễn Phương Linh	13/08/2022	90.0	BT	14.0	BT
6	Đinh Ngọc Yến Nhi	04/04/2022	87.0	BT	11.3	BT
7	Nguyễn Gia Nhi	01/02/2022	89.0	BT	12.4	BT
8	Nguyễn Quang Quý	21/08/2022	86.0	BT	11.0	BT
9	Trần Minh Tiến	05/04/2022	90.0	BT	11.5	BT
10	Phạm Chí Thanh	04/07/2022	91.0	BT	14.0	BT
11	Phùng Thị Huyền Trang	23/03/2022	88.0	BT	13.5	BT
12	Nguyễn Gia Hân	20/11/2022	90.0	BT	14.0	BT
13	Nguyễn Sơn Tùng	04/07/2022	87.0	BT	12.0	BT
14	Đặng Anh THư	25/09/2022	88.0	BT	13.5	BT
15	Lê Diệu Nhi	25/07/2022	90.0	BT	13.4	BT
16	Đặng Thế Sơn	09/05/2022	89.0	BT	13.0	BT
17	Lê Trương Phúc Khang	15/08/2022	88.0	BT	13.5	BT
18	Đặng Thanh Duy	27/01/2023	83.0	BT	11.5	BT
19	Nguyễn Minh Hiếu	21/07/2022	87.0	BT	12.0	BT
20	Nguyễn Trí Đức	26/07/2023	83.0	BT	11.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 20/20 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 2TD., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Đặng Minh Anh	05/05/2022	91.0	BT	11.5	BT
2	Đặng Minh Anh	05/11/2022	89.0	BT	11.5	BT
3	Nguyễn Hoàng Duy Anh	01/09/2022	86.0	BT	12.8	BT
4	Nguyễn Thị Hồng Anh	07/03/2022	88.0	BT	11.5	BT
5	Trần Quỳnh Anh	26/05/2022	93.0	BT	14.0	BT
6	Nguyễn Hải Đăng	31/08/2022	89.0	BT	12.5	BT
7	Lê Bảo Hà	12/07/2022	85.0	BT	11.4	BT
8	Đặng Ngọc Hoàn	31/03/2022	90.0	BT	11.8	BT
9	Nguyễn Trường Kỳ	09/08/2022	86.0	BT	11.0	BT
10	Nguyễn Quang Khải	01/04/2022	89.0	BT	11.5	BT
11	Đặng Minh Khang	05/11/2022	87.0	BT	11.5	BT
12	Đặng Anh Thư	06/07/2023	83.0	BT	10.5	BT
13	Lê Khánh Huyền	14/12/2022	85.0	BT	11.5	BT
14	Đặng Mỹ Tâm	05/01/2022	90.0	BT	12.5	BT
15	Đặng Tiến Minh	11/01/2023	83.0	BT	11.0	BT
16	Lê hoàng Phúc Thịnh	08/03/2023	84.0	BT	10.5	BT
17	Đặng Quang Minh	10/01/2023	84.0	BT	11.0	BT
18	Nguyễn Phúc Gia Bảo	06/06/2023	83.0	BT	10.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 18/18 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 3TA., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Ngô Quốc An	27/07/2021	97.0	BT	15.0	BT
2	Nguyễn Khánh An	13/10/2021	98.0	BT	16.5	BT
3	Phạm Khánh An	17/08/2021	99.0	BT	16.0	BT
4	Đỗ Phương Anh	14/09/2021	95.0	BT	14.0	BT
5	Đặng Quang Bình	13/01/2021	96.0	BT	14.5	BT
6	Vũ Diệp Chi	12/01/2021	99.0	BT	15.5	BT
7	Trần Nguyễn Đức Duy	08/10/2021	96.0	BT	15.5	BT
8	Trần Ánh Dương	04/07/2021	95.0	BT	15.4	BT
9	Nguyễn Thành Đạt	10/01/2021	99.0	BT	16.0	BT
10	Nguyễn Hải Đăng	29/01/2021	98.0	BT	15.3	BT
11	Nguyễn Bảo Hân	14/09/2021	95.0	BT	14.8	BT
12	Ngô Quỳnh Hương	30/07/2021	97.0	BT	16.0	BT
13	Lê Phúc Khang	19/02/2021	96.0	BT	13.5	BT
14	Phạm Quốc Khánh	10/02/2021	103.0	BT	16.6	BT
15	Nguyễn Gia Linh	25/01/2021	98.0	BT	14.8	BT
16	Trần Thành Lộc	11/08/2021	93.0	BT	12.6	BT
17	Nguyễn Khả Ngân	06/04/2021	97.0	BT	17.0	BT
18	Lê Ngọc Băng Tâm	05/06/2021	98.0	BT	16.0	BT
19	Nguyễn Hữu Việt	27/08/2021	93.0	BT	12.5	BT
20	Đỗ Chí Hải	22/01/2021	100.0	BT	15.0	BT
21	Đặng Minh Anh	28/03/2021	99.0	BT	14.5	BT
22	Nguyễn Minh Dương	30/10/2021	98.0	BT	15.0	BT
23	Phùng Nam Khánh	22/04/2021	96.0	BT	14.0	BT
24	Chu Thị Cẩm Tú	02/12/2021	90.0	BT	11.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 24/24 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 3TB., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Kiều Duy Anh	02/05/2021	98.0	BT	15.0	BT
2	Vũ Bảo Anh	01/09/2021	93.0	BT	15.5	BT
3	Nguyễn Hạ Băng	13/04/2021	104.0	BT	19.0	BT
4	Ngô Minh Châu	03/01/2021	97.0	BT	15.5	BT
5	Đặng Phương Chi	02/04/2021	102.0	BT	17.6	BT
6	Nguyễn Phúc Đăng	25/09/2021	92.0	BT	12.5	BT
7	Dương Ngọc Hân	11/03/2021	103.0	BT	17.0	BT
8	Phùng Duy Khánh	25/03/2021	102.0	BT	16.0	BT
9	Trần Gia Khánh	29/06/2021	97.0	BT	15.0	BT
10	Phạm Nguyễn Minh Khôi	05/08/2021	98.0	BT	15.5	BT
11	Nguyễn Gia Linh	30/12/2021	91.0	BT	13.0	BT
12	Ngô Khôi Nguyên	25/06/2021	100.0	BT	18.0	BT
13	Nguyễn Minh Tiến	25/06/2021	96.0	BT	15.0	BT
14	Nguyễn Xuân Thái	26/09/2021	96.0	BT	15.0	BT
15	Nguyễn Minh Tùng	25/06/2021	96.0	BT	15.5	BT
16	Bùi Nhã Tuyết	11/08/2021	95.0	BT	14.0	BT
17	Nguyễn Đức Thành	01/03/2021	102.0	BT	18.5	BT
18	Đào Minh Thư	17/11/2021	94.0	BT	14.0	BT
19	Trịnh Công Vinh	22/03/2021	100.0	BT	14.0	BT
20	Phạm Ngọc Ánh	08/09/2021	98.0	BT	14.0	BT
21	Nguyễn Minh Châu	22/10/2021	100.0	BT	14.0	BT
22	Nguyễn Bảo Ngọc	23/01/2021	100.0	BT	14.5	BT
23	Hoàng Gia Minh	16/11/2021	100.0	BT	14.0	BT
24	Nguyễn Quang Nhật	26/01/2021	99.0	BT	14.5	BT
25	Phùng Gia Khiêm	12/01/2021	103.0	BT	18.0	BT

Tổng số trẻ cân- đo: $25/25 = 100\%$
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÃM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 3TD., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Đặng Huyền Anh	11/10/2021	91.0	BT	13.0	BT
2	Đặng Phương Anh	30/04/2021	95.0	BT	12.5	BT
3	Nguyễn Thanh Bình	05/09/2021	97.0	BT	13.5	BT
4	Ngô Minh Đức	21/07/2021	103.0	BT	14.5	BT
5	Nguyễn Gia Hân	04/11/2021	98.0	BT	13.5	BT
6	Lê Gia Huy	26/02/2021	101.0	BT	15.0	BT
7	Đặng Ánh Kim	23/05/2021	97.0	BT	13.4	BT
8	Nguyễn Bảo Ngọc	30/08/2021	100.0	BT	15.5	BT
9	Nguyễn Thiên Phúc	06/05/2021	97.0	BT	12.8	BT
10	Đặng Đức Quang	03/04/2021	99.0	BT	14.5	BT
11	Đỗ Minh Quân	10/04/2021	105.0	BT	19.0	BT
12	Lê Gia Toàn	22/02/2021	101.0	BT	16.0	BT
13	Đặng Thanh Tùng	21/02/2021	98.0	BT	14.0	BT
14	Đặng Tiến Thuận	27/09/2021	93.0	BT	14.0	BT
15	Đặng Anh Thư	27/04/2021	100.0	BT	14.0	BT
16	Đặng Uyên Thư	03/10/2021	94.0	BT	14.5	BT
17	Đặng Minh Trí	08/03/2021	98.0	BT	15.0	BT
18	Đoàn Thanh Trúc	14/03/2021	100.0	BT	16.0	BT
19	Phạm Ngọc Thanh Trúc	08/04/2021	103.0	BT	15.5	BT
20	Đỗ Quỳnh Anh	18/02/2021	96.0	BT	14.4	BT
21	Lê Thị Thu Huyền	26/09/2021	100.0	BT	13.5	BT
22	Đặng Anh Tuấn	08/09/2021	93.0	BT	12.5	BT
23	Tăng Hồng Phúc	10/07/2021	101.0	BT	15.6	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 23/23 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 4TA., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Vũ Ngọc Tâm An	22/04/2020	105.0	BT	19.5	BT
2	Lê Ngọc Quang Phú	08/01/2020	103.0	BT	16.0	BT
3	Nguyễn Tú Anh	22/08/2020	105.0	BT	16.0	BT
4	Trần Tuấn Anh	28/10/2020	105.0	BT	16.0	BT
5	Đào Gia Bảo	22/04/2020	105.0	BT	16.0	BT
6	Nguyễn Gia Bảo	06/01/2020	104.0	BT	16.5	BT
7	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	12/08/2020	102.0	BT	14.5	BT
8	Nguyễn Gia Hân	10/07/2020	103.0	BT	16.0	BT
9	Tăng Lê Thanh Huyền	02/07/2020	101.0	BT	14.5	BT
10	Bùi Xuân Khang	08/09/2020	100.0	BT	13.5	BT
11	Nguyễn Minh Khang	01/05/2020	97.0	Nhẹ cân	12.5	Thấp còi
12	Hoàng Trung Khôi	13/11/2020	100.0	BT	15.0	BT
13	Bùi Lê Nhật Anh	16/10/2020	105.0	BT	15.0	BT
14	Đặng Hà Minh	13/08/2020	108.0	BT	19.0	BT
15	Nguyễn Anh Minh	04/10/2020	107.0	BT	16.5	BT
16	Dương Hà My	23/06/2020	106.0	BT	18.0	BT
17	Phạm Nhật Nam	19/10/2020	105.0	BT	17.0	BT
18	Cao Bảo Ngọc	07/07/2020	104.0	BT	14.0	BT
19	Nguyễn Bảo Ngọc	10/07/2020	101.0	BT	18.0	BT
20	Nguyễn Nhật Minh	18/03/2020	108.0	BT	19.6	BT
21	Trịnh Trung Nguyên	18/02/2020	110.0	BT	20.0	BT
22	Bùi Yên Nhi	17/02/2020	106.0	BT	17.5	BT
23	Nguyễn Đức Bảo Phúc	22/10/2020	112.0	BT	20.5	BT
24	Nguyễn Minh Phúc	13/08/2020	102.0	BT	14.5	BT
25	Nguyễn Đức Tâm	18/01/2020	102.0	BT	16.0	BT
26	Nguyễn Anh Thư	05/02/2020	101.0	BT	16.0	BT
27	Nguyễn Quỳnh Thư	20/04/2020	111.0	BT	21.5	BT
28	Nguyễn Ngọc Trâm	04/08/2020	102.0	BT	14.5	BT
29	Nguyễn Trần Việt Anh	06/07/2020	104.0	BT	15.0	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 29/29 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 1/29 = 3.5%
Số trẻ SDD thể thấp còi: 1/29 = 3.5%

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 4TB., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Ngô Mỹ Anh	31/03/2020	108.0	BT	16.0	BT
2	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	24/02/2020	110.0	BT	19.5	BT
3	Trần Phạm Đức Anh	20/09/2020	109.0	BT	16.5	BT
4	Nguyễn Gia Bảo	02/01/2020	99.0	Thấp còi	13.0	Nhẹ cân
5	Lê Lộc Bình	12/08/2020	105.0	BT	17.6	BT
6	Nguyễn Ngọc Diệp	02/03/2020	105.0	BT	15.5	BT
7	Nguyễn Anh Duy	19/08/2020	103.0	BT	16.0	BT
8	Nguyễn Tùng Dương	21/05/2020	105.0	BT	18.5	BT
9	Đặng Minh Đạt	06/05/2020	109.0	BT	18.0	BT
10	Nguyễn Quang Hải	06/10/2020	102.0	BT	14.5	BT
11	Nguyễn Gia Hân	20/10/2020	100.0	BT	15.4	BT
12	Tạ Ngọc Hiếu	05/09/2020	107.0	BT	17.0	BT
13	Ngô Huy Hoàng	10/08/2020	100.0	BT	15.0	BT
14	Phùng Văn Hường	04/06/2020	116.0	BT	23.0	BT
15	Bùi Tuấn Khang	26/08/2020	106.0	BT	15.3	BT
16	Lê Minh Hoàng Khôi	10/12/2020	108.0	BT	17.5	BT
17	Nguyễn Dương Việt Khôi	05/07/2020	106.0	BT	17.0	BT
18	Đỗ Tùng Lâm	10/01/2020	110.0	BT	19.0	BT
19	Ngô Minh Long	08/01/2020	111.0	BT	17.0	BT
20	Nguyễn Quỳnh Như	26/08/2020	103.0	BT	17.0	BT
21	Phạm Minh Phong	11/03/2020	116.0	BT	22.7	BT
22	Nguyễn Hồng Phúc	31/08/2020	106.0	BT	16.0	BT
23	Nguyễn Hà Phương	19/08/2020	99.0	BT	14.5	BT
24	Trần Ngọc Phụng	09/12/2020	103.0	BT	16.0	BT
25	Trần Trường Sơn	07/03/2020	105.0	BT	15.5	BT
26	Hà Thái Toàn	14/09/2020	101.0	BT	14.3	BT
27	Nguyễn Anh Tuấn	20/11/2020	108.0	BT	18.0	BT
28	Nguyễn Anh Thư	24/01/2020	107.0	BT	17.0	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 28/28 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 1/28 = 3.6%
Số trẻ SDD thể thấp còi: 1/28 = 3.6%

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 4TC., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Đặng Minh Anh	17/06/2020	108.0	BT	16.0	BT
2	Hoàng Mai Anh	07/11/2020	105.0	BT	15.6	BT
3	Nguyễn Quỳnh Anh	23/06/2020	100.0	BT	15.0	BT
4	Vũ Quỳnh Anh	13/11/2020	108.0	BT	16.0	BT
5	Đỗ Gia Bảo	29/05/2020	103.0	BT	16.4	BT
6	Hà Gia Bảo	20/05/2020	110.0	BT	17.4	BT
7	Nguyễn Thái Bình	18/08/2020	108.0	BT	20.6	BT
8	Nguyễn Đức Chung	15/03/2020	108.0	BT	20.0	BT
9	Vũ Minh Duy	01/09/2020	100.0	BT	15.5	BT
10	Nguyễn Đại Dương	24/11/2020	106.0	BT	16.5	BT
11	Nguyễn Minh Đức	24/12/2020	100.0	BT	15.0	BT
12	Nguyễn Gia Huy	28/04/2020	106.0	BT	15.5	BT
13	Bùi Duy Hưng	03/11/2020	107.0	BT	15.0	BT
14	Nguyễn Gia Khánh	05/09/2020	102.0	BT	16.5	BT
15	Lê Hoàng Lan	19/01/2020	115.0	BT	18.5	BT
16	Lưu Diệu Linh	02/02/2020	105.0	BT	15.5	BT
17	Nguyễn Gia Linh	11/08/2020	106.0	BT	15.4	BT
18	Nguyễn Gia Linh	21/06/2020	107.0	BT	17.5	BT
19	Lê Hà My	11/06/2020	103.0	BT	16.5	BT
20	Nguyễn Hạnh Kim Ngân	28/09/2020	106.0	BT	16.0	BT
21	Lê Diệp Thảo Nguyên	26/04/2020	105.0	BT	16.5	BT
22	Nguyễn Đức Nhân	27/04/2020	101.0	BT	14.3	BT
23	Hoàng Minh Nhật	01/05/2020	105.0	BT	16.5	BT
24	Trần Minh Quân	07/12/2020	107.0	BT	17.4	BT
25	Vũ Minh Tâm	20/01/2020	116.0	BT	20.0	BT
26	Đỗ Anh Thư	16/09/2020	101.0	BT	16.0	BT
27	Nguyễn Minh Trí	21/10/2020	103.0	BT	16.0	BT
28	Trịnh Chấn Vũ	13/01/2020	110.0	BT	16.0	BT
29	Ngô Hà Vy	16/05/2020	110.0	BT	17.5	BT
30	Phạm Trúc Vy	25/10/2020	107.0	BT	18.0	BT
31	Phạm Trung Kiên	24/04/2020	105.0	BT	16.0	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 31/31 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 4TD., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Nguyễn Thùy Anh	24/03/2020	109.0	BT	18.5	BT
2	Bùi Thảo Đan	06/04/2020	106.0	BT	18.5	BT
3	Nguyễn Ngọc Linh Đan	23/12/2020	104.0	BT	19.0	BT
4	Nguyễn hải đăng	03/05/2020	102.0	BT	16.0	BT
5	Nguyễn Ngọc Gia hân	03/01/2020	110.0	BT	18.5	BT
6	NGUYỄN THANH HUYỀN	27/07/2020	100.0	BT	14.0	BT
7	Đặng Tuấn Khang	28/05/2020	112.0	BT	20.0	BT
8	Lê Bảo Khang	13/06/2020	100.0	BT	15.5	BT
9	Nguyễn hữu minh khôi	07/12/2020	100.0	BT	15.5	BT
10	Đỗ Minh Khôi	20/03/2020	105.0	BT	17.0	BT
11	Nguyễn Anh Khôi	11/02/2020	106.0	BT	15.0	BT
12	Đặng Tuệ Lâm	03/05/2020	103.0	BT	18.0	BT
13	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	01/09/2020	104.0	BT	15.5	BT
14	Lê Bảo Long	27/11/2020	98.0	BT	17.0	BT
15	Đặng Lê Gia Minh	24/07/2020	108.0	BT	16.0	BT
16	Đặng Thiên mỹ	24/03/2020	104.0	BT	16.3	BT
17	Đặng Như ngọc	15/02/2020	101.0	BT	14.5	BT
18	Đặng BẢO Ngọc	29/09/2020	104.0	BT	18.0	BT
19	Nguyễn Tiến Phát	15/11/2020	98.0	BT	15.5	BT
20	Đặng Minh Phúc	22/04/2020	105.0	BT	17.0	BT
21	Nguyễn Quỳnh Thu	22/11/2020	99.0	BT	15.5	BT
22	Nguyễn Ánh Tuyết	20/02/2020	105.0	BT	16.0	BT
23	Nguyễn Minh Tùng	04/01/2020	113.0	BT	19.0	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 23/23 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 5TA., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Bùi Diệu Anh	21/12/2019	108.0	BT	18.0	BT	15.4
2	Đặng thân Duy Anh	28/05/2019	116.0	BT	19.0	BT	14.1
3	Mai Bảo Anh	17/12/2019	103.0	BT	15.0	BT	14.1
4	Nguyễn Hà Anh	09/11/2019	110.0	BT	20.0	BT	16.5
5	Tạ Minh Anh	16/09/2019	104.0	BT	15.0	BT	13.9
6	Đinh Trần Gia Bảo	02/01/2019	110.0	BT	18.0	BT	14.9
7	Đinh Bảo Châu	04/06/2019	118.0	BT	23.0	BT	16.5
8	Đỗ Ánh Dương	17/04/2019	105.0	BT	15.5	BT	14.1
9	Lê Trung Hiếu	22/01/2019	112.0	BT	20.0	BT	15.9
10	Trần Minh Khang	16/09/2019	111.0	BT	18.0	BT	14.6
11	Đặng Trí Lâm	28/08/2019	117.0	BT	19.0	BT	13.9
12	Nguyễn Tuệ Lâm	19/10/2019	110.0	BT	17.5	BT	14.5
13	Phùng Gia Linh	22/02/2019	106.0	BT	15.5	BT	13.8
14	Trần Khánh Ly	20/09/2019	115.0	BT	19.0	BT	14.4
15	Đinh Thành Nam	06/09/2019	108.0	BT	16.0	BT	13.7
16	Nguyễn Yến Nhi	04/03/2019	108.0	BT	15.5	BT	13.3
17	Nguyễn Hải Phong	24/03/2019	111.0	BT	18.0	BT	14.6
18	Đinh Đức Toàn	22/02/2019	120.0	BT	21.0	BT	14.6
19	Nguyễn Hưng Thịnh	01/07/2019	117.0	BT	22.0	BT	16.1
20	Nguyễn Thanh Trà	22/01/2019	116.0	BT	19.0	BT	14.1
21	Nguyễn Thanh Trà	09/03/2019	112.0	BT	18.5	BT	14.7
22	Lê Bảo Trâm	02/10/2019	93.0	Thấp còi	14.5	BT	16.8
23	Lê Quốc Trung	27/10/2019	115.0	BT	20.0	BT	15.1
24	Bùi Quốc Vượng	17/12/2019	108.0	BT	18.4	BT	15.8
25	Nguyễn Thùy Trang	09/05/2019	115.0	BT	19.0	BT	14.4
26	Phạm Đức Thiện	12/12/2019	112.0	BT	19.0	BT	15.1
27	Trần Phương Thảo	19/12/2019	109.0	BT	18.5	BT	15.6
28	Nguyễn Phương Thảo	02/08/2019	109.0	BT	17.4	BT	14.6
29	Nguyễn Minh Tùng	08/07/2019	107.0	BT	18.0	BT	15.7
30	Ngô Minh Thư	06/12/2019	103.0	BT	17.3	BT	16.3
31	Đào Hoàng Giang Phúc	20/12/2019	107.0	BT	16.5	BT	14.4
32	Nguyễn Bình An	11/06/2019	119.0	BT	23.0	BT	16.2

Tổng số trẻ cân- đo: 32/32 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 1/32 = 3.1%
Số trẻ Thừa cân - béo phì: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 5TB., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Nguyễn Khánh An	14/07/2019	118.0	BT	22.0	BT	15.8
2	Nguyễn Quỳnh Anh	21/08/2019	110.0	BT	16.5	BT	13.6
3	Nguyễn Tuấn Anh	13/12/2019	111.0	BT	20.5	BT	16.6
4	Nguyễn Minh Châu	20/06/2019	113.0	BT	21.0	BT	16.4
5	Nguyễn Thị Ánh Dương	27/04/2019	113.0	BT	19.0	BT	14.9
6	Trương Thoại Đức	12/08/2019	116.0	BT	22.0	BT	16.3
7	Đặng Bùi Thanh Hải	02/11/2019	98.0	Thấp còi	15.5	BT	16.1
8	Lê Vũ Ngọc Hân	03/10/2019	113.0	BT	18.0	BT	14.1
9	Nguyễn Bảo Hân	02/09/2019	112.0	BT	19.0	BT	15.1
10	Nguyễn Trần Bảo Hân	06/03/2019	109.0	BT	18.0	BT	15.2
11	Phạm Bùi Minh Hiếu	22/04/2019	121.0	BT	24.0	BT	16.4
12	Trần Minh Khang	13/05/2019	115.0	BT	21.6	BT	16.3
13	Đặng Phạm Minh Khôi	13/11/2019	112.0	BT	20.5	BT	16.3
14	Nguyễn Anh Khôi	25/10/2019	106.0	BT	16.0	BT	14.2
15	Nguyễn Quân Lâm	20/12/2019	120.0	BT	23.5	BT	16.3
16	Nguyễn Thanh Lâm	10/10/2019	110.0	BT	19.5	BT	16.1
17	Đoàn Phúc Lộc	23/12/2019	110.0	BT	17.5	BT	14.5
18	Đỗ Thị Kiều Mai	02/11/2019	113.0	BT	20.0	BT	15.7
19	Phạm Anh Minh	27/12/2019	112.0	BT	19.0	BT	15.1
20	Chu Tuệ Nhi	14/03/2019	114.0	BT	21.5	BT	16.5
21	Trần Đăng Quang	20/12/2019	106.0	BT	18.0	BT	16.0
22	Trịnh Minh Quân	24/08/2019	112.0	BT	19.0	BT	15.1
23	Vũ Hồng Quân	26/09/2019	111.0	BT	19.5	BT	15.8
24	Vũ Thanh Trúc	07/02/2019	113.0	BT	18.0	BT	14.1
25	Nguyễn Đức Anh Vũ	27/05/2019	112.0	BT	20.0	BT	15.9
26	Trần Hải Vy	26/09/2019	121.0	BT	24.0	BT	16.4
27	Đoàn trung Nam	17/04/2019	110.0	BT	16.0	BT	13.2
28	Phùng Gia Hưng	11/07/2019	115.0	BT	18.5	BT	14.0
29	Dương Ngọc Châu	07/03/2019	115.0	BT	20.0	BT	15.1
30	Đặng Gia Phong	22/07/2019	113.0	BT	21.0	BT	16.4
31	Đặng An Nhiên	05/11/2019	104.0	BT	17.0	BT	15.7

Tổng số trẻ cân- đo: 31/31 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 1/31 = 3.2%
Số trẻ Thừa cân- BP: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 5TC., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Trịnh Bảo An	06/06/2019	114.0	BT	21.0	BT	16.2
2	Đặng Nhật Anh	04/06/2019	114.0	BT	20.5	BT	15.8
3	Đoàn Đặng Thùy Anh	08/09/2019	112.0	BT	18.0	BT	14.3
4	Nguyễn Kim Anh	31/07/2019	116.0	BT	21.5	BT	16.0
5	Phạm Minh Anh	04/05/2019	115.0	BT	22.0	BT	16.6
6	Tăng Quỳnh Anh	25/09/2019	110.0	BT	18.0	BT	14.9
7	Đỗ Nguyên Bình	27/10/2019	112.0	BT	20.5	BT	16.3
8	Hồ Nguyễn Minh Đức	25/01/2019	116.0	BT	20.0	BT	14.9
9	Vũ Minh Đức	25/01/2019	115.0	BT	21.0	BT	15.9
10	Nguyễn Quang Hải	19/10/2019	113.0	BT	20.6	BT	16.1
11	Nguyễn Trần Gia Hân	28/05/2019	116.0	BT	20.5	BT	15.2
12	Mai Huy Hoàng	22/07/2019	111.0	BT	18.3	BT	14.9
13	Nguyễn Gia Hưng	12/04/2019	112.0	BT	19.4	BT	15.5
14	Lại Minh Khang	18/05/2019	123.0	BT	34.5	Béo phì	22.8
15	Nguyễn Minh Khang	06/11/2019	107.0	BT	16.0	BT	14.0
16	Tăng Bá Minh Khang	26/02/2019	123.0	BT	21.5	BT	14.2
17	Nguyễn Anh Khoa	10/01/2019	107.0	BT	16.4	BT	14.3
18	Nguyễn Minh Khôi	23/12/2019	112.0	BT	19.5	BT	15.5
19	Hoàng Phương Linh	04/02/2019	110.0	BT	19.0	BT	15.7
20	Trần Gia Linh	27/11/2019	112.0	BT	18.5	BT	14.7
21	Nguyễn Thị Hồng Ngân	24/01/2019	117.0	BT	22.0	BT	16.1
22	Lê Bảo Ngọc	13/10/2019	116.0	BT	18.3	BT	13.6
23	Lê Ngọc An Nhiên	11/03/2019	115.0	BT	17.5	BT	13.2
24	Nguyễn Quỳnh Như	05/01/2019	116.0	BT	19.0	BT	14.1
25	Đinh Trường Phúc	28/10/2019	110.0	BT	18.0	BT	14.9
26	Tô Hoàng Sơn	16/05/2019	107.0	BT	16.0	BT	14.0
27	Vũ Phương Thảo	14/09/2019	108.0	BT	16.5	BT	14.1
28	Trần Đức Thắng	28/10/2019	113.0	BT	18.0	BT	14.1
29	Nguyễn Anh Thư	19/09/2019	115.0	BT	20.5	BT	15.5
30	Lê Quỳnh Trang	06/11/2019	112.0	BT	19.5	BT	15.5
31	Trần Quang Vũ	23/09/2019	106.0	BT	17.4	BT	15.5

Tổng số trẻ cân- đo: 31/31 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0
Số trẻ Thừa cân - Béo phì: 1/31 = 3.2%

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 5TD., Tháng 3, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Đặng Diệp Quỳnh Anh	31/08/2019	105.0	BT	17.0	BT	15.4
2	Lê Quỳnh Anh	28/08/2019	116.0	BT	22.0	BT	16.3
3	Vũ Ngọc Bảo Anh	27/10/2019	110.0	BT	19.5	BT	16.1
4	Đặng Tùng Bách	06/06/2019	110.0	BT	19.5	BT	16.1
5	Đặng Bảo Châm	30/04/2019	112.0	BT	19.0	BT	15.1
6	Đỗ Hải Diễm	30/11/2019	107.0	BT	17.5	BT	15.3
7	Đoàn Linh Đan	04/05/2019	110.0	BT	19.0	BT	15.7
8	Nguyễn Gia hân	18/03/2019	113.0	BT	18.0	BT	14.1
9	Đặng Gia Hân	02/01/2019	108.0	BT	18.5	BT	15.9
10	Đặng Lê Gia Hân	26/10/2019	105.0	BT	17.4	BT	15.8
11	Đặng Ngọc Hân	18/03/2019	107.0	BT	17.0	BT	14.8
12	Lê Gia Hân	15/07/2019	118.0	BT	22.0	BT	15.8
13	Nguyễn Bảo Hân	12/08/2019	110.0	BT	19.0	BT	15.7
14	Nguyễn Ngọc Mai Hân	28/10/2019	110.0	BT	18.0	BT	14.9
15	Đặng Quang Huy	09/02/2019	113.0	BT	21.0	BT	16.4
16	Nguyễn Đức Huy	18/05/2019	112.0	BT	19.0	BT	15.1
17	Đặng Minh Khôi	21/02/2019	115.0	BT	20.0	BT	15.1
18	Lê Thị Ngọc Minh	27/04/2019	107.0	BT	18.3	BT	16.0
19	Lê Phương Thảo My	03/01/2019	112.0	BT	16.5	BT	13.2
20	Lê Thị Trà My	17/12/2019	110.0	BT	18.0	BT	14.9
21	Đặng Bảo Ngọc	17/09/2019	110.0	BT	18.0	BT	14.9
22	Nguyễn Bảo Ngọc	04/09/2019	108.0	BT	18.0	BT	15.4
23	Nguyễn Ngọc Nhi	03/11/2019	110.0	BT	19.5	BT	16.1
24	Phạm Tiến Dũng	03/04/2018	128.0	BT	26.5	BT	16.2
25	Nguyễn Thị Như Quỳnh	01/10/2019	105.0	BT	17.0	BT	15.4
26	Phạm Thu Phương	18/09/2019	111.0	BT	19.5	BT	15.8

Tổng số trẻ cân- đo: 26/26 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0
Số trẻ Thừa cân- béo phì: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân